

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MH
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 9 - 2021

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MH - TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Xuân Hùng.

Bà Vũ Thị Diệu Thúy

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2021/TLST - HNGĐ ngày 18/6/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST - HNGĐ ngày 24/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1998 (có mặt)

HKTT: Tổ dân phố LĐ, phường PCK, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

Chỗ ở hiện tại: Thôn VN, xã NL, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố LĐ, phường PCK, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Đặng HA, sinh ngày 30/5/2019 (vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1998 (có mặt)

Đều có HKTT: Tổ dân phố LĐ, phường PCK, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

Chỗ ở hiện tại: Thôn VN, xã NL, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

Người làm chứng:

+ Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố LĐ, phường PCK, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

+ Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn VN, xã NL, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị V tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh Đặng Quốc T kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã PCK (nay là UBND phường PCK) năm 2018. Vợ

chồng sống cùng nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, chung sống không hạnh phúc, anh T mãi chơi không quan tâm tới gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đôi khi anh T còn đánh chị. Tháng 01/2021 do không chịu được cách cư xử của anh T nên chị đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn VN, xã NL, thị xã MH sinh sống. Kể từ đó cho đến nay chị và anh T sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay chị xác định chị và anh T không thể về chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đặng HA, sinh ngày 30/5/2019, hiện nay chị không có thai. Cháu HA hiện đang sống cùng chị, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu HA, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị xác định hiện nay chị đang làm công nhân Công ty cổ phần CHY (địa chỉ tại Tầng 8, tòa nhà PN, số 89, phường BY N, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên), thu nhập trung bình hàng tháng của chị là 7.000.000 đồng/tháng; chị đang ở tại nhà bố đẻ của chị tại thôn VN, xã NL, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh T không có tài sản chung nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị và anh T không nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng nông nghiệp: Chị không có ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Vợ chồng chị không có công sức với hai bên gia đình nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T1 (là bố đẻ của anh T) xác định: Anh T, chị V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2018. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xô xát cãi nhau, đầu năm 2021 chị V bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Kể từ đó cho đến nay anh chị không có chung sống với nhau, không còn quan tâm nhau. Nay chị V làm đơn ly hôn với anh T, ông đã trao đổi trực tiếp với anh T, anh T xác định vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xô xát cãi nhau, bất đồng trong làm ăn kinh tế nên anh nhất trí quan điểm xin ly hôn của chị V và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V. Về con chung, ông xác định anh T, chị V có 01 con chung là cháu HA, sinh năm 2019; về nội dung này ông đã trao đổi với anh T và anh T có quan điểm trường hợp chị V không muốn nuôi con thì anh T đề nghị được nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh T làm nghề lao động tự do, thu nhập 4.000.000 đồng/tháng, trường hợp chị V cương quyết xin nuôi con, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các vấn đề về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức, anh T xác định giữa anh và chị V không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ, anh T không có ruộng nông nghiệp, anh chị không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; sau này Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, ông T1 xác định đã nhận và giao trực tiếp cho anh T, việc anh T không đến Tòa án vì lý do gì ông không nắm được.

Trong quá trình chung sống giữa ông và vợ chồng anh T không liên quan gì về kinh tế, ông không cho anh, chị vay cũng như không nợ anh chị nên ông tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S (là bố đẻ của chị V) trình bày: Ông xác nhận anh T và chị V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2018. Quá trình sinh sống, anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T mãi chơi, không chăm lo đến gia đình, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xô xát cãi nhau. Gia đình hai bên đã trao đổi, động viên anh chị nhiều lần nhưng cuộc sống hôn nhân của anh chị không cải thiện, anh chị sống không hạnh phúc. Vợ chồng chị V sống ly thân nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay không còn qua lại chăm sóc nhau. Nay chị V làm đơn ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn để chị V ổn định cuộc sống. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được chăm sóc cháu HA; ông cam kết sẽ tạo điều kiện cho chị V về nơi ăn ở để nuôi con và sẽ có trách nhiệm cùng chị V chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Ông xác định không liên quan gì đến vợ chồng chị V về kinh tế, ông không cho anh, chị vay cũng như không nợ anh chị nên ông tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh T. Tại phiên họp tiếp cận chứng cứ công khai chứng cứ và hòa giải; anh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu HA. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu HA; chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị xác định giữa chị và anh T không liên quan đến nhau nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn anh T. Giao cháu HA cho chị V chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của chị V về việc tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do V tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Chị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V và anh Đặng Quốc T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Tại phiên tòa mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt bị đơn là anh T. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của nguyên đơn là chị V, người làm chứng là ông S, ông T1 cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân phường PCK, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên, nên có đủ căn cứ xác định anh T, chị V đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã PCK (nay là UBND phường PCK) năm 2018 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và việc chị V khởi kiện ly hôn đối với anh T sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án để lấy lời khai cũng như hòa giải nhưng anh T không đến nên việc hòa giải giữa vợ chồng anh chị không tiến hành được. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị V xác định quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, anh T không quan tâm tới gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau. Tại biên bản lấy lời khai của ông S (là bố đẻ của chị V), ông T1 (là bố đẻ của anh T) đều xác định: Anh T, chị V thường xuyên xô xát cãi nhau nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, anh T mãi chơi chưa quan tâm tới gia đình. Hiện nay anh T, chị V sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tất cả những tình tiết này đã phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị, tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Tòa án sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V; giải quyết cho chị V được ly hôn anh T.

[2.2]. Về con chung: Chị V, anh T có 01 con chung là cháu Đặng HA, sinh ngày 30/5/2019. Chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu HA, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị V thì thấy: Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 09/2021/QĐ - CCCC ngày 16/7/2021 về việc yêu cầu anh T cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập của anh T tại thời điểm hiện nay; cũng như ban hành nhiều văn bản yêu cầu anh T đến Tòa án làm việc tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Chị V cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập của chị đảm bảo để nuôi con; ông S là bố đẻ chị V cam kết sẽ tạo điều kiện về nơi ăn ở cho mẹ con chị V; mặt khác cháu HA dưới 36 tháng tuổi rất cần sự quan tâm của người mẹ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu HA cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng pháp luật và đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu. Chị V tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu của chị V là hợp pháp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau này, anh T có yêu cầu nuôi con chung thì giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc; chị V tự nguyện không yêu cầu

Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Sau này, nếu anh T có yêu cầu thì giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Đặng Quốc T.

[2]. Về con chung: Giao cháu Đặng HA, sinh ngày 30/5/2019 cho chị Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu HA thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Anh T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Chị V, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[3]. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

[4]. Án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004460 ngày 18/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã MH. Chị V đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã MH;
- Phòng KTNV & THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã MH;
- Dương sự;
- UBND phường PCK;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ OANH